

MỤC LỤC

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2008

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2008

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

6. Bảng chú thích

Công ty Cổ phần Gò Đàng
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2008	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2008	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2008	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2008	8 - 19

2011
ÔNG
+ NHIỆM
VÀ K
CÁI
HTRP

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gò Đàng ("Công ty"/"Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gò Đàng đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Trần Xuyên Giáo	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thi	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giáo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Giám đốc

3. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty và nhà máy tọa lạc tại Lô 45, Khu công nghiệp Mỹ Tho, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày trong báo cáo hợp nhất từ trang 04 đến trang 19.

5. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

6. Công bố trách nhiệm của Công ty Cổ phần Gò Đàng đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gò Đàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Nhóm Công ty trong từng năm tài chính. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Đạo

Ngày 20 tháng 3 năm 2009

C.T.T.N
HÀN
DÂN
CH. MINH



Certified Accountants & Associates

CA&A Consulting and Auditing Company
Member of DFK International



A Worldwide Association of Accounting Firms and Business Advisers

No. 08, C1 Street, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Email: caa@caa.com.vn; Website: www.caa.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2009

Số: 048/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CON NĂM 2008

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gò Đăng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Gò Đăng ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008, từ trang 04 đến trang 19 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Nhóm Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuyền
Chứng chỉ KTV Số: 0188/KTV



Phó Giám đốc

Nguyễn Lương Nhân
Chứng chỉ KTV Số: 0182/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		184,862,891,385	143,398,951,299
<i>I. Tiền</i>	<i>110</i>		<i>5,143,947,198</i>	<i>5,427,659,527</i>
1. Tiền	111	V.01	5,143,947,198	5,427,659,527
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	V.02	<i>68,409,813,846</i>	<i>71,467,382,477</i>
1. Phải thu khách hàng	131		57,056,378,204	45,524,720,855
2. Trả trước cho người bán	132		2,193,395,625	25,349,357,986
3. Các khoản phải thu khác	138		9,160,040,017	593,303,636
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>106,051,369,594</i>	<i>58,372,261,615</i>
1. Hàng tồn kho	141	V.03	106,051,369,594	60,284,610,374
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1,912,348,759)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>5,257,760,747</i>	<i>8,131,647,680</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	1,550,113,629	1,964,017,510
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	3,075,010,026	4,432,672,485
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	632,637,092	1,734,957,685
B. Tài sản dài hạn	200		102,221,799,552	56,975,284,804
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>99,762,966,230</i>	<i>54,981,407,531</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	85,444,877,244	22,403,668,190
- Nguyên giá	222		101,592,277,172	30,931,030,384
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,147,399,928)	(8,527,362,194)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	8,591,323,534	6,766,819,582
- Nguyên giá	228		8,633,550,910	6,790,975,391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42,227,376)	(24,155,809)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	5,726,765,452	25,810,919,759
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>1,876,176,291</i>	<i>1,993,877,273</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1,876,176,291	1,898,426,873
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	95,450,400
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	<i>269</i>		<i>582,657,031</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287,084,690,937	200,374,236,103

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		171,722,740,482	91,689,540,282
I. Nợ ngắn hạn	310		147,720,447,123	78,324,350,702
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	79,906,678,166	46,172,663,345
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	58,785,638,649	25,790,524,622
3. Người mua trả tiền trước	313		395,559,594	621,268,700
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	67,097,459	10,613,627
5. Phải trả công nhân viên	315		3,320,036,309	1,727,828,811
6. Chi phí phải trả	316	V.14	1,168,593,443	869,796,418
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	4,076,843,503	3,131,655,179
II. Nợ dài hạn	320		24,002,293,359	13,365,189,580
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.16	24,002,293,359	13,365,189,580
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		115,361,950,455	108,684,695,821
I. Nguồn vốn - Quỹ	410	V.17	115,062,482,878	108,684,695,821
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	73,340,190,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31,287,710,000	31,277,710,000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(200,900,000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,756,137,108	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1,219,535,770	4,066,795,821
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		299,467,577	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		299,467,577	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287,084,690,937	200,374,236,103

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - USD	11,434.04	15,195
6. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - EUR	7,378.18	-
7. Hạn mức kinh phí còn lại	-	-
8. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện nay	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 03 năm 2009

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng	01		572,776,500,098	373,941,960,605
2. Các khoản giảm trừ	03		4,474,225,093	5,988,048,662
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	568,302,275,005	367,953,911,943
4. Giá vốn hàng bán	11		480,080,205,188	313,719,535,024
5. Lợi nhuận gộp	20		88,222,069,816	54,234,376,919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.02	2,026,626,957	213,920,202
7. Chi phí tài chính	22	VI.03	10,929,966,030	3,116,719,094
- Trong đó: lãi vay	23		10,929,966,030	2,775,128,491
8. Chi phí bán hàng	24		52,722,022,455	35,925,917,177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,383,392,116	3,998,511,262
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		14,213,316,172	11,407,149,588
11. Thu nhập khác	31	VI.04	4,970,341,008	674,611,896
12. Chi phí khác	32	VI.05	1,913,023,214	31,794,833
13. Lợi nhuận khác/(lỗ) (31-32)	40		3,057,317,794	642,817,063
14. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	50		17,270,633,966	12,049,966,651
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	IV.06	58,691,032	63,113,627
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		17,211,942,934	11,986,853,024
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		17,211,942,934	11,986,853,024
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	IV.07	2,157	1,634

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 03 năm 2009



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

	Maõ soá	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	17,270,633,966	12,049,966,651
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7,644,263,968	3,216,078,535
Các khoản dự phòng	03	(1,912,348,759)	1,725,161,332
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(53,350,211)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(82,537,208)	(159,024,109)
Chi phí lãi vay	06	10,929,966,030	2,775,128,491
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	33,849,977,997	19,553,960,689
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6,679,219,837	(2,871,961,531)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(45,122,431,849)	(36,524,393,205)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	34,017,714,370	(8,436,947,921)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	436,154,463	(2,056,629,907)
Tiền lãi vay đã trả	13	(11,215,918,938)	(3,715,014,737)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(59,550,122)	(392,425,159)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(168,061,700)	(223,121,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18,417,104,058	(34,666,532,771)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(52,708,837,583)	(57,741,044,861)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	1,771,343,022	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	(1,916,893,190)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	1,916,893,190
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	212,142,113	24,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	159,024,109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50,725,352,448)	(57,558,020,752)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	110,900,000	50,732,178,164
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(200,900,000)	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	396,836,933,871	263,417,268,707
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(354,445,771,210)	(226,172,001,317)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(10,276,626,600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32,024,536,061	87,977,445,554
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(283,712,329)	(4,247,107,969)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,427,659,527	9,687,696,345
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	(12,928,849)
Tiền tồn cuối kỳ	70	5,143,947,198	5,427,659,527

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 03 năm 2009



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trong năm 2007, Công ty chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty Cổ phần Gò Đàng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là chế biến thủy sản.

3 Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4 Các công ty con

Công ty có 03 (ba) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

5 Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ lợi ích	% Quyền biểu quyết
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK An Phát	Lô 25, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Chế biến hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100

Công ty cổ phần Gò Đàng đầu tư trực tiếp 99% và gián tiếp 1% vào các Công ty con.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1 Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đăng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

3 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được kết chuyển vào chi phí quản lý trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được đánh giá giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang được tập hợp từ chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp dựa trên mức công suất bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh

7 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và không khấu hao.

8 Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

9 Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11 Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn sở hữu được Công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14 Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên.

15 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cũ thể sau đây phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

16 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Mức thuế suất áp dụng cho các Công ty con là 28%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể

18 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

19 Tài sản cầm cố thế chấp

Tài sản cầm cố thế chấp được xem là một khoản đảm bảo khi được ghi nhận trong hợp đồng vay. Bất kỳ một sự hạn chế sử dụng nào cũng được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

20 Tài khoản ngoài bảng

Giá trị được ghi nhận trong tài khoản ngoài bảng theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt	2,631,714,762	2,368,409,855
Tiền gửi ngân hàng	2,131,083,833	2,814,465,230
Tiền đang chuyển	381,148,603	244,784,442
Cộng	<u>5,143,947,198</u>	<u>5,427,659,527</u>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu khách hàng trong nước	8,699,672,994	2,439,719,965
Phải thu khách hàng nước ngoài	48,356,705,210	43,085,000,890
Trả trước người bán - Máy móc thiết bị, thầu xây dựng	-	24,612,585,900
Trả trước người bán - khác	2,193,395,625	736,772,086
Phải thu khác	9,160,040,017	593,303,636
Cộng	<u>68,409,813,846</u>	<u>71,467,382,477</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	<u>68,409,813,846</u>	<u>71,467,382,477</u>
3. Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
Nguyên vật liệu	4,962,442,267	235,856,577
Công cụ, dụng cụ trong kho	4,625,936,043	3,289,427,884
Chi phí sản xuất dở dang	18,076,680,865	102,782,106
Thành phẩm tồn kho	73,697,273,673	52,239,446,563
Hàng hóa tồn kho	4,689,036,746	4,417,097,244
Cộng	<u>106,051,369,594</u>	<u>60,284,610,374</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1,912,348,759)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>106,051,369,594</u>	<u>58,372,261,615</u>
4. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,550,113,629	1,949,017,510
Khac	-	15,000,000
Cộng	<u>1,550,113,629</u>	<u>1,964,017,510</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích dưới 01 năm.		
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31/12/2008	01/01/2008
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3,075,010,026	4,432,672,485
Cộng	<u>3,075,010,026</u>	<u>4,432,672,485</u>
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Tạm ứng nhân viên - Ông Nguyễn Văn Đạo - TGD	-	468,982,363
Tạm ứng nhân viên - Ông Lê Sơn Tùng - Phó GD	-	227,683,418
Tạm ứng nhân viên - Khác	30,637,092	360,557,404
Ký quỹ ngắn hạn	602,000,000	677,734,500
Cộng	<u>632,637,092</u>	<u>1,734,957,685</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2008	01/01/2008
7. Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất	898,273,913	670,925,192
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	133,865,911	181,171,505
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	703,220,011	865,280,448
Chi phí trước hoạt động	140,816,456	181,049,728
Cộng	1,876,176,291	1,898,426,873

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích hơn 01 năm.

8. Tài sản cố định

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	15,623,930,321	13,208,223,168	1,792,834,690	306,042,205	30,931,030,384
Tăng	39,323,933,818	30,338,641,209	2,452,932,522	240,699,720	72,356,207,269
Giảm	1,522,668,981	172,291,500			1,694,960,481
Số dư cuối kỳ	53,425,195,158	43,374,572,877	4,245,767,212	546,741,925	101,592,277,172
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4,019,104,611	4,078,010,009	344,968,167	85,279,407	8,527,362,194
Tăng	2,403,440,008	4,602,398,865	560,367,406	59,986,122	7,626,192,401
Giảm	-	6,154,667	-	-	6,154,667
Số dư cuối kỳ	6,422,544,619	8,674,254,207	905,335,573	145,265,529	16,147,399,928
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	11,604,825,710	9,130,213,159	1,447,866,523	220,762,798	22,403,668,190
Số dư cuối kỳ	47,002,650,539	34,700,318,670	3,340,431,639	401,476,396	85,444,877,244

Tài sản tại Công ty con, Công ty TNHH XNK TS An Phát, có giá trị 69.829.455.289 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng công thương Việt Nam - chi nhánh 8 TP.HCM được thuyết minh tại mục V.16.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền SD đất/nhà trọ nhân viên	Quyền SD đất/vùng nuôi cá	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1,759,189,960	4,992,891,391	38,894,040	6,790,975,391
Tăng	-	1,832,575,519	10,000,000	1,842,575,519
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	48,894,040	8,633,550,910
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	-	24,155,809	24,155,809
Tăng	-	-	18,071,567	18,071,567
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	42,227,376	42,227,376
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1,759,189,960	4,992,891,391	14,738,231	6,766,819,582
Số dư cuối kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	6,666,664	8,591,323,534

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2008	01/01/2007
10. Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:		
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên	1,780,104,591	1,721,789,518
Khác	3,886,660,861	50,972,400
Công trình xây dựng nhà máy tại Công ty TNHH An Phát	60,000,000	24,038,157,841
Cộng	<u>5,726,765,452</u>	<u>25,810,919,759</u>

Công trình xây dựng nhà xưởng tại Công ty TNHH XNK TS An Phát, Công ty con, đã hoàn thành và kết chuyển vào tài sản cố định trong năm 2008.

	31/12/2008	01/01/2008
11. Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	79,906,678,166	46,172,663,345
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>79,906,678,166</u>	<u>46,172,663,345</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: ngàn đồng

		Số dư vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư vay cuối kỳ
Vay NH Công Thương - CN8	(a)	26,229,177	269,825,544	248,325,514	47,729,206
Vay NH Công Thương - CN8	(b)	7,906,189	106,663,942	99,423,034	15,147,098
Vay cá nhân	(c)	12,037,297	3,450,000	-	15,487,297
Vay Vinaceglass	(d)	-	643,077	-	643,077
Vay cá nhân	(e)	-	900,000	-	900,000
Vay khác		-	4,717,267	4,717,267	-
Cộng		<u>46,172,663</u>	<u>386,199,830</u>	<u>352,465,815</u>	<u>79,906,678</u>

(a) Công ty Cổ phần Gò Đàng vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 tại Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết các khoản vay:

	Lãi suất/năm	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương ngàn VND
Vay theo kế ước (không thế chấp)	6.7%	1,756,000	29,811,612
Vay chiết khấu bộ chứng từ nhập khẩu	6.7%	1,055,404	17,917,594

(b) Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 tại Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết các khoản vay:

	Lãi suất/năm	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương ngàn VND
Vay theo kế ước (không thế chấp)	7.5%	390,000	6,621,030
Vay chiết khấu bộ chứng từ nhập khẩu	7.5%	502,505	8,526,068

(c) Khoản vay cá nhân - Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc, cổ đông sáng lập Công ty, tại ngày 31/12/2008 là 13.987.297 ngàn đồng với lãi suất 1,2% tháng và 1.500.000 ngàn đồng không tính lãi. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(d) Khoản vay từ Công ty Vinaceglass, Công ty liên kết, tại ngày 31/12/2008 là 642.077 ngàn đồng. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo và không tính lãi.

(e) Khoản vay cá nhân - Ông Lê Sơn Tùng, Phó Tổng Giám đốc, tại ngày 31/12/2008 là 900.000 ngàn đồng. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo và không tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2008	01/01/2008
Phải trả người bán - Nguyên vật liệu	50,342,371,989	19,866,502,208
Phải trả người bán - Máy móc thiết bị, xây dựng	4,782,731,433	3,169,379,378
Phải trả người bán - khác	3,660,535,227	2,754,643,036
Cộng	58,785,638,649	25,790,524,622
13. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2008	01/01/2008
Thuế TNDN phải nộp	9,754,537	10,613,627
Thuế GTGT	57,342,922	-
Cộng	67,097,459	10,613,627
14. Chi phí phải trả	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí lãi vay phải trả	-	285,952,908
Chi phí thuê đất, mặt bằng, nhà xưởng	204,832,280	367,977,061
Chi phí thuê tủ đông	361,664,600	133,684,080
Chi phí phải trả khác	602,096,563	82,182,369
Cộng	1,168,593,443	869,796,418
15. Phải trả khác	31/12/2008	01/01/2008
Tiền nhận cọc mua phế phẩm, phế liệu	3,758,000,000	2,900,000,000
Các khoản phải trả khác	318,843,503	231,655,179
Cộng	4,076,843,503	3,131,655,179
16. Vay và nợ dài hạn	31/12/2008	01/01/2008
Vay dài hạn	24,002,293,359	13,365,189,580
Cộng	24,002,293,359	13,365,189,580
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	24,002,293,359	13,365,189,580

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

		Số dư vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư vay cuối kỳ
Ngân hàng Công Thương	(a)	500,000	1,902,601	-	2,402,601
Ngân hàng Công Thương	(b)	12,865,190	8,734,502	-	21,599,692
Cộng		13,365,190	10,637,104	-	24,002,293

(a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng tín dụng với mục đích đầu tư kho lạnh bảo quản thủy sản. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 9.000.000 ngàn đồng; thời hạn vay 60 tháng và lãi suất 4,96%/năm cộng lãi suất tiết kiệm. Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ nguồn vốn vay được thuyết minh tại mục số V.08.

(b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng tín dụng với mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến thủy sản. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 28.000.000 ngàn đồng; thời hạn vay 78 tháng và lãi suất 4,96%/năm cộng lãi suất tiết kiệm. Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ nguồn vốn vay được thuyết minh tại mục số V.08.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	27,583,226	-	-	-	-	-	9,121,105	36,704,331
Phát hành cổ phiếu mới	45,756,964	31,277,710	-	-	-	-	-	77,034,674
Lợi nhuận tăng thêm	-	-	-	-	-	-	11,986,853	11,986,853
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	223,121	(223,121)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(223,121)	-	(223,121)
Tăng vốn góp của CSH	-	-	-	-	-	-	(16,400,327)	(16,400,327)
Tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	(417,714)	(417,714)
Số cuối năm	73,340,190	31,277,710	-	-	-	-	4,066,796	108,684,696
Năm nay								
Số đầu năm	73,340,190	31,277,710	-	-	-	-	4,066,796	108,684,696
Phát hành cổ phiếu mới	6,659,810	10,000	-	-	-	-	-	6,669,810
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(200,900)	-	-	-	-	(200,900)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	17,211,943	17,211,943
Trích các quỹ	-	-	-	2,756,137	-	465,913	(3,222,050)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(166,446)	-	(166,446)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(16,835,537)	(16,835,537)
Tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1,616)	(1,616)
Số cuối năm	80,000,000	31,287,710	(200,900)	2,756,137	-	299,468	1,219,536	115,361,950

Cổ phiếu của Công ty được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu mới phát hành trong kỳ bao gồm 655.981 cổ phiếu chia cổ tức bằng cổ phiếu và 10.000 cổ phiếu phát hành thêm với số vốn thặng dư là 10.000 ngàn đồng.

Cổ tức

Công ty đã công bố và trả cổ tức tổng cộng 10.276.627 ngàn đồng. Ngoài ra, Công ty đã phát hành 655.981 cổ phiếu với tỷ lệ 8,95% cho mỗi cổ phiếu nắm giữ bởi các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ.

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	496,313,085,949	357,550,280,394
Doanh thu bán hàng - Trong nước	62,758,681,522	12,300,411,268
Doanh thu khác	13,704,732,627	4,091,268,943
Cộng	572,776,500,098	373,941,960,605
Trừ		
Giảm giá hàng bán	(1,566,588,472)	(4,233,324,169)
Hàng bán bị trả lại	(2,907,636,621)	(1,754,724,493)
Cộng doanh thu thuần	568,302,275,005	367,953,911,943

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
2. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	62,626,765	122,689,608
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,726,200,485	54,896,093
Thu nhập tài chính khác	237,799,707	36,334,501
Cộng	2,026,626,957	213,920,202
3. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay ngân hàng, chiết khấu	8,827,781,297	1,666,047,365
Chi phí lãi vay đối tượng khác	2,102,184,733	1,109,081,126
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	341,590,603
Cộng	10,929,966,030	3,116,719,094
4. Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1,771,343,022	-
Khác	3,198,997,986	674,611,896
Cộng	4,970,341,008	674,611,896
5. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1,688,805,814	-
Khác	224,217,400	31,794,833
Cộng	1,913,023,214	31,794,833
6. Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Lợi nhuận trước thuế	17,270,633,966	12,049,966,651
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận	-	-
Các khoản chênh lệch tạm thời	-	286,935,093
Doanh thu chưa thực hiện	(166,666,667)	486,111,111
Lợi nhuận chịu thuế sau điều chỉnh	17,103,967,299	12,823,012,855
Lợi nhuận được miễn thuế TNDN	19,998,393,412	13,780,685,539
Lỗ chuyển sang các năm sau	(3,118,967,356)	(1,183,078,496)
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	224,541,243	225,405,812
Thuế TNDN hiện hành	58,691,032	63,113,627
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17,211,942,934	11,986,853,024
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7,979,910	7,334,019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,157	1,634

VII. Các thông tin bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Kỳ này	Năm trước
Các thông tin liên quan đến hoạt động mua lại		
Giá trị mua	600,000,000	-
Phần giá trị mua thanh toán bằng tiền	600,000,000	-
Số tiền hiện có tại công ty con vào ngày mua	812,142,113	-
Giá trị tài sản và công nợ hiện có tại công ty con được mua		
Các khoản phải thu	1,366,217,754	-
Hàng tồn kho	644,327,371	-
Tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang	1,105,790,898	-
Nợ ngắn hạn	3,911,135,167	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Bên liên quan chủ yếu sau:

Vay	Năm 2008	Năm 2007
Công ty Sành sứ thủy tinh Việt Nam	643,077,000	15,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	<u>3,450,000,000</u>	<u>28,420,000,000</u>

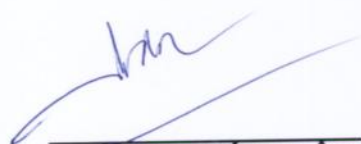
Các khoản công nợ với các Bên liên quan tại ngày 31/12/2008.

	Năm 2008	Năm 2007
Nợ vay phải trả		
Công ty Sành sứ thủy tinh Việt Nam	643,077,000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	<u>15,487,297,180</u>	<u>12,037,297,180</u>

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.





THÁI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng
Ngày 20 tháng 3 năm 2009

NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc